

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	13 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty nhà nước Công ty TNHH Một thành viên Cấp Thoát Nước Phú Yên theo Quyết định số 69/KH – UBND ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Phú Yên. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3604000018, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 3 năm 2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 số 4400115690 ngày 15 tháng 11 năm 2011 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 ngày 06 tháng 9 năm 2014 về việc bổ sung địa điểm kinh doanh nhà máy nước.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 18 tháng 9 năm 2015 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 10 tháng 11 năm 2015 về việc chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
- Điện thoại : 0257.3827030 - 3823557
- Fax : 0257.3828388

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp Tư vấn và Xây lắp	Số 07 đường Hải Dương, Thôn Ngọc Phước, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp cấp nước số 1	Số 07 đường Hải Dương, Thôn Ngọc Phước, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp cấp nước số 2	Số 33 Lê Thành Phương, Phường Xuân Yên, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp cấp nước số 3	Số 86 Ngô Quyền, Thị trấn Hai Riêng, Huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác, xử lý và phân phối nước sạch (mã ngành 3600);
- Khoan, thăm dò, điều tra khảo sát nguồn nước ngầm phục vụ cho các công trình cấp nước; thiết kế các công trình cấp, thoát nước; theo dõi, giám sát thi công các công trình cấp thoát nước; lập dự án đầu tư các công trình cấp thoát nước (mã ngành 7110);
- Xây dựng công trình đường ống cấp, thoát nước (mã ngành 4290);



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước (mã ngành 4663);
- Sản xuất bê tông đúc sẵn, bao gồm: ống cống, gối đỡ cống, tấm đan (mã ngành 2395);
- Gia công phụ kiện chuyên ngành nước như BB, BU, cút, tê (mã ngành 2599);
- Sản xuất cát, sỏi lọc nước (mã ngành 2399);
- Sản xuất ron cao su các loại, gia công phụ kiện các loại chuyên ngành cấp thoát nước (mã ngành 2013);
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết ngành nghề kinh doanh: hoạt động vệ sinh môi trường (Dịch vụ thoát nước đô thị) (mã ngành 3700).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Phú Liệu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 9 năm 2016
Ông Lê Xuân Triết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Phan Trọng Thư	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Đỗ Hoàng Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 9 năm 2016
Bà Đặng Thị Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 9 năm 2016

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thiện Thành	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Bà Nguyễn Thế Thanh Loan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 9 năm 2016

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Xuân Triết	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Nguyễn Tấn Thuận	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Nguyễn Phú Liệu	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Phan Trọng Thư	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Bà Trần Thị Lục Hà	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Xuân Triết - Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- T.T.N.H.H. ★
N.N.
MINH



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area,
Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 1.0531/18/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Văn Kiên - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2018-008-1

Nguyễn Thị Minh Hà - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2743-2014-008-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2018



BAKER TILLY
INTERNATIONAL

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		74.704.869.146	62.874.082.969
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	33.063.331.099	49.115.441.926
1. Tiền	111		4.963.331.099	5.615.441.926
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.100.000.000	43.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		34.000.000.000	5.700.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	34.000.000.000	5.700.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.719.266.470	5.040.616.156
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.410.890.922	4.082.187.714
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	485.193.560	182.251.400
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.823.181.988	776.177.042
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.798.679.719	2.773.054.086
1. Hàng tồn kho	141	V.6	2.798.679.719	2.773.054.086
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		123.591.858	244.970.801
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	115.847.329	244.970.801
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	7.744.529	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		320.644.261.657	337.424.517.262
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		311.567.342.708	328.932.764.344
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	310.804.419.698	328.426.982.641
- Nguyên giá	222		535.575.649.068	532.881.702.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(224.771.229.370)	(204.454.720.177)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	762.923.010	505.781.703
- Nguyên giá	228		1.310.393.889	765.886.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(547.470.879)	(260.104.933)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.661.900.620	3.003.306.106
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	3.661.900.620	3.003.306.106
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.415.018.329	5.488.446.812
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	4.791.680.798	5.334.989.281
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.11	569.000.000	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.12	54.337.531	153.457.531
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		395.349.130.803	400.298.600.231

04
ÔP
NH
OAI
1
1.7

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		145.692.267.755	157.400.596.591
I. Nợ ngắn hạn	310		27.745.336.949	26.123.271.441
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a,b	1.602.588.471	2.099.265.559
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	33.240.894	1.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	2.155.696.866	1.247.314.891
4. Phải trả người lao động	314	V.16	6.604.961.338	4.194.362.601
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1.770.498.293	1.383.611.624
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a,b	1.547.697.162	3.628.649.599
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a,c	13.330.394.344	13.330.394.344
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	700.259.581	238.672.823
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		117.946.930.806	131.277.325.150
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b,c	117.946.930.806	131.277.325.150
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

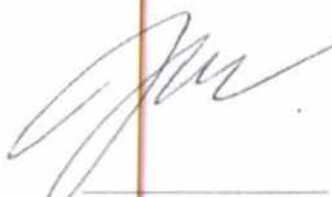
Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		249.656.863.048	242.898.003.640
I. Vốn chủ sở hữu	410		249.656.863.048	242.898.003.640
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	236.000.000.000	236.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		236.000.000.000	236.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	1.695.564.340	363.052.823
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	11.961.298.708	6.534.950.817
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lấy kể đến cuối kỳ trước	421a		634.950.817	6.534.950.817
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		11.326.347.891	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		395.349.130.803	400.298.600.231


 Nguyễn Thị Xuân Tựu
 Người lập biểu


 Trần Thị Lục Hà
 Kế toán trưởng


 Lê Xuân Triết
 Giám đốc

Phú Yên, ngày 28 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	92.718.692.831	89.190.302.581
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		92.718.692.831	89.190.302.581
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	40.076.000.914	42.098.163.888
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.642.691.917	47.092.138.693
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.095.884.861	2.883.660.277
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.507.459.650	10.683.883.049
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.507.459.650	10.683.883.049
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	21.275.073.862	23.753.928.951
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	9.570.937.234	9.200.221.977
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.385.106.032	6.337.764.993
11. Thu nhập khác	31	VI.7	428.564.779	2.829.201.135
12. Chi phí khác	32	VI.8	98.937.055	1.534.810
13. Lợi nhuận khác	40		329.627.724	2.827.666.325
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.714.733.756	9.165.431.318
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	3.958.618.590	1.904.374.855
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.11	(569.000.000)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.325.115.166	7.261.056.463
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a,c	536	292
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b,c	536	292



Nguyễn Thị Xuân Tựu
Người lập biểu



Trần Thị Lục Hà
Kế toán trưởng

Phú Yên, ngày 28 tháng 02 năm 2018



Lê Xuân Triết
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.714.733.756	9.165.431.318
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, V.9	20.713.937.302	22.991.988.609
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3; VI.7	(3.083.972.217)	(2.851.972.011)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	8.507.459.650	10.683.883.049
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		42.852.158.491	39.989.330.965
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		623.042.863	6.707.909.122
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	73.494.367	194.065.123
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		812.083.079	(89.548.641.608)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		254.243.688	1.058.743.583
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4; V.17	(8.593.396.700)	(13.514.275.254)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(3.313.366.742)	(2.263.985.157)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.20	5.650.000	43.300.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(210.319.000)	(2.782.720.407)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		32.503.590.046	(60.116.273.633)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8; V.10	(3.898.554.891)	(12.858.637.312)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		104.776.136	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(58.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	29.700.000.000	8.400.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3; V.5	2.768.377.226	2.985.444.897
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(29.325.401.529)	(1.473.192.415)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19a,b	(13.330.394.344)	(18.289.256.775)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18a,V.22	(5.899.905.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(19.230.299.344)</i>	<i>(18.289.256.775)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>(16.052.110.827)</i>	<i>(79.878.722.823)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>49.115.441.926</i>	<i>128.994.164.749</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>		<i>33.063.331.099</i>	<i>49.115.441.926</i>

Nguyễn Thị Xuân Tựu
Người lập biểu

Trần Thị Lục Hà
Kế toán trưởng



Lê Xuân Triết
Giám đốc

Phú Yên, ngày 28 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là khai thác và cung cấp nước sạch, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

Khai thác, xử lý và phân phối nước sạch (mã ngành 3600);

Khoan, thăm dò, điều tra khảo sát nguồn nước ngầm phục vụ cho các công trình cấp nước; thiết kế các công trình cấp, thoát nước; theo dõi, giám sát thi công các công trình cấp thoát nước; lập dự án đầu tư các công trình cấp thoát nước (mã ngành 7110);

Xây dựng công trình đường ống cấp, thoát nước (mã ngành 4290);

Mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước (mã ngành 4663);

Sản xuất bê tông đúc sẵn, bao gồm: ống cống, gối đỡ cống, tấm đan (mã ngành 2395);

Gia công phụ kiện chuyên ngành nước như BB, BU, cút, tê (mã ngành 2599);

Sản xuất cát, sỏi lọc nước (mã ngành 2399);

Sản xuất ron cao su các loại, gia công phụ kiện các loại chuyên ngành cấp thoát nước (mã ngành 2013);

Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết ngành nghề kinh doanh: hoạt động vệ sinh môi trường (Dịch vụ thoát nước đô thị) (mã ngành 3700).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo quyết định số 468/QĐ-SGDHN ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Tổng giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với những nội dung sau:

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

Mã chứng khoán: PWS

Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu

Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 23.600.000 cổ phiếu

Giá trị chứng khoán giao dịch: 236.000.000.000 VND.

6. Cấu trúc Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp	Số 07 đường Hải Dương, Thôn Ngọc Phước, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Tư vấn và Xây lắp	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp cấp nước số 1	Số 07 đường Hải Dương, Thôn Ngọc Phước, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp cấp nước số 2	Số 33 Lê Thành Phương, Phường Xuân Yên, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp cấp nước số 3	Số 86 Ngô Quyền, Thị trấn Hai Riêng, Huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước không so sánh được với số liệu của năm nay do năm tài chính năm trước từ ngày 10 tháng 11 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm tài chính đầu tiên của Công ty và năm tài chính năm nay từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 214 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 212 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi phí bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thay thế đầu nối, giấy phép quyền khai thác nước và lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thay thế đầu nối

Chi phí thay thế đầu nối được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Giấy phép quyền khai thác nước

Chi phí cấp phép quyền khai thác nước phát sinh một lần có giá trị không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình được phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 40
Máy móc và thiết bị	08 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 – 10
Tài sản cố định khác	05

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 05 năm.

Giấy phép quyền khai thác nước

Chi phí cấp phép quyền khai thác nước phát sinh một lần có giá trị lớn hơn 30 triệu được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và tính khấu hao theo thời hạn hiệu lực được cấp phép.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chi được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	207.342	7.967.846
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.963.123.757	5.607.474.080
Các khoản tương đương tiền	28.100.000.000	43.500.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	28.100.000.000	43.500.000.000
Cộng	33.063.331.099	49.115.441.926

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các khách hàng khác	2.410.890.922	4.082.187.714
Phải thu khách hàng sử dụng nước sạch	928.084.603	1.098.715.178
Ban quản lý các Công trình đầu tư và Xây dựng cơ bản huyện Tuy An	926.429.000	926.429.000
Công An tỉnh Phú Yên	52.297.000	522.965.000
Phòng Quản lý đô thị TP. Tuy Hòa - UBND thành phố Tuy Hòa	-	318.640.000
Các khách hàng khác	504.080.319	1.215.438.536
Cộng	2.410.890.922	4.082.187.714

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>485.193.560</i>	<i>182.251.400</i>
Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng WATECH	-	87.000.000
Công ty TNHH 522	-	40.600.000
Công ty Cổ phần xây dựng Cấp thoát nước số 12	147.809.445	-
DNTN Xây Dựng Thương Mại và Dịch Vụ Tiến Thu	300.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	37.384.115	54.651.400
Cộng	485.193.560	182.251.400

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.823.181.988</i>	-	<i>776.177.042</i>	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	672.139.171	-	362.701.465	-
Phải thu người lao động	37.055.380	-	164.290.305	-
Phải thu các trạm cấp nước	1.046.090.937	-	234.958.422	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	67.896.500	-	14.226.850	-
Cộng	1.823.181.988	-	776.177.042	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.175.322.570	-	2.533.808.888	-
Công cụ, dụng cụ	3.165.000	-	111.939.414	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	614.430.090	-	127.002.407	-
Thành phẩm	5.762.059	-	303.377	-
Cộng	2.798.679.719	-	2.773.054.086	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ sản xuất	16.033.335	12.678.668
Chi phí bảo hiểm	66.748.042	48.781.515
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	33.065.952	183.510.618
Cộng	115.847.329	244.970.801

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ sản xuất	727.779.422	917.242.641
Lợi thế kinh doanh	135.094.756	291.978.976
Chi phí thay thế đầu nổi	3.078.884.858	3.152.602.955
Giấy phép khai thác nước	32.967.680	392.312.751
Các chi phí trả trước dài hạn khác	816.954.082	580.851.958
Cộng	4.791.680.798	5.334.989.281

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	115.301.394.057	43.861.460.240	373.057.604.885	624.784.545	36.459.091	532.881.702.818
Mua trong năm	-	34.000.000	-	-	-	34.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	907.291.033	216.193.976	1.870.345.481	-	-	2.993.830.490
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(335.000.000)	-	-	(335.000.000)
Phân loại lại tài sản	(224.655.996)	52.383.268	-	172.272.728	-	-
Điều chỉnh quyết toán công trình năm trước	1.115.760	-	-	-	-	1.115.760
Số cuối năm	115.985.144.854	44.164.037.484	374.592.950.366	797.057.273	36.459.091	535.575.649.068
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	324.240.273	3.176.281.331	91.302.395	36.181.818	36.459.091	3.664.464.908
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	49.290.968.748	19.405.751.217	135.439.291.600	284.236.761	34.471.851	204.454.720.177
Khấu hao trong năm	5.068.688.780	2.816.901.032	12.589.680.737	75.632.553	1.987.240	20.552.890.342
Phân loại lại tài sản	-	(46.613.628)	-	46.613.628	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(236.381.149)	-	-	(236.381.149)
Số cuối năm	54.359.657.528	22.176.038.621	147.792.591.188	406.482.942	36.459.091	224.771.229.370
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	66.010.425.307	24.455.709.023	237.618.313.285	340.547.784	1.987.240	328.426.982.641
Số cuối năm	61.625.487.326	21.987.998.863	226.800.359.178	390.574.331	-	310.804.419.698
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

9. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm máy tính	Quyền khai thác tài nguyên nước	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	309.000.000	-	456.886.636	765.886.636
Tăng do phân loại từ chi phí trả trước dài hạn	-	544.507.253	-	544.507.253
Số cuối năm	309.000.000	544.507.253	456.886.636	1.310.393.889
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	66.876.238	66.876.238
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	131.315.380	-	128.789.553	260.104.933
Khấu hao trong năm	61.331.988	60.585.612	39.129.360	161.046.960
Tăng do phân loại từ chi phí trả trước dài hạn	-	126.318.986	-	126.318.986
Số cuối năm	192.647.368	186.904.598	167.918.913	547.470.879

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chương trình phần mềm máy tính	Quyền khai thác tài nguyên nước	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	177.684.620	-	328.097.083	505.781.703
Số cuối năm	116.352.632	357.602.655	288.967.723	762.923.010
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	3.003.306.106	4.434.273.173	(2.993.830.490)	(781.848.169)	3.661.900.620
Di dời hệ thống cấp nước thuộc dự án mở rộng QL 1A (*)	2.912.908.493	55.179.883	-	-	2.968.088.376
Xây dựng giếng thu nước mặt, công suất 5.000 m ³ /ngày đêm (Hòa An)	18.951.330	2.366.975.153	(2.382.290.119)	(3.636.364)	-
Cải tạo trạm bơm cấp II của nhà máy nước Chi Thanh và cải tạo một số tuyến ống dịch vụ khách hàng khu vực TP Tuy Hòa	71.446.283	176.836.220	(158.326.896)	(89.955.607)	-
Phát triển mạng tuyến ống bên trong khu nhà ở CBCS Công an tỉnh Phú Yên	-	263.663.938	(258.413.592)	(5.250.346)	-
Cải tạo, sửa chữa các trạm cấp nước và trụ sở làm việc các nhà máy nước năm 2017	-	604.225.877	-	(604.225.877)	-
Các công trình khác	-	967.392.102	(194.799.883)	(78.779.975)	693.812.244
Cộng	3.003.306.106	4.434.273.173	(2.993.830.490)	(781.848.169)	3.661.900.620

(*) Về kinh phí di dời hệ thống cấp nước để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng dự án Mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua địa phận tỉnh Phú Yên đã sử dụng vốn của Công ty để thực hiện tính đến 31/12/2017 là 2.968.088.376 VND, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo xin vốn hoàn trả cho Công ty theo Thông báo 732/TB-UBND ngày 09/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại*Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản dự phòng chi phí tiền lương. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	569.000.000
Số cuối năm	569.000.000

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

12. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Giá trị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn còn tồn kho cuối năm.

13. Phải trả người bán ngắn hạn**13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>1.602.588.471</i>	<i>2.099.265.559</i>
Công ty Cổ phần xây dựng Cấp thoát nước số 12	-	572.440.555
Công ty TNHH Xây dựng Ân Khoa	343.662.007	474.389.579
Công ty TNHH Xây lắp Kim Tiền	268.500.000	-
Công ty Cổ phần SAMECO	223.654.000	-
Các nhà cung cấp khác	766.772.464	1.052.435.425
Cộng	1.602.588.471	2.099.265.559

13b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của người mua khác</i>	<i>33.240.894</i>	<i>1.000.000</i>
Khách hàng lắp đặt đồng hồ	-	1.000.000
Phải thu khách hàng sử dụng nước sạch	33.240.894	-
Cộng	33.240.894	1.000.000

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	354.603.010	-	2.882.997.225	(2.979.650.137)	257.950.098	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	614.867.209	-	3.958.618.590	(3.313.366.742)	1.260.119.057	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.187.217	-	65.202.953	(81.134.699)	-	7.744.529
Thuế tài nguyên	197.634.595	-	2.116.920.480	(2.134.011.395)	180.543.680	-
Thuế nhà đất	-	-	20.778.913	(20.150.159)	628.754	-
Phí bảo vệ môi trường	72.022.860	-	1.874.695.468	(1.490.263.051)	456.455.277	-
Thuế môn bài	-	-	7.000.000	(7.000.000)	-	-
Cộng	1.247.314.891	-	10.926.213.629	(10.025.576.183)	2.155.696.866	7.744.529

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Khai thác và cung cấp nước sạch	5%
Xây lắp, tư vấn, thiết kế	10%
Bán vật tư	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.714.733.756	9.165.431.318
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.078.359.195	241.721.581
Thu nhập chịu thuế	19.793.092.951	9.407.152.899
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	3.958.618.590	1.881.430.580
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	-	22.944.275
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	3.958.618.590	1.904.374.855

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên để sản xuất nước sạch với mức thuế suất như sau:

	Giá tính thuế (VND/m ³)	Thuế suất
Nước mặt	3.000	1%
Nước mặt (áp dụng sau ngày 11/11/2017)	4.000	1%
Nước ngầm	6.000	5%

Tiền thuê đất

Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả cho người lao động và Ban điều hành, quản lý (*)	3.759.961.338	4.194.362.601
Dự phòng tiền lương phải trả (**)	2.845.000.000	-
Cộng	6.604.961.338	4.194.362.601

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Quỹ tiền lương trong năm được tính theo Quyết định số 19/QĐ-HĐQT ngày 17/5/2017 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt kế hoạch lao động, quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động, quỹ lương và thù lao người quản lý Công ty năm 2017.

(**) Khoản dự phòng tiền lương năm 2018 cho người lao động theo Quyết định số 189/QĐ-CTN ngày 29/12/2017 của Giám đốc với tỷ lệ 16,56% quỹ lương thực hiện của năm 2017.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.770.498.293</i>	<i>1.383.611.624</i>
Chi phí lãi vay phải trả	769.342.488	855.279.538
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.001.155.805	528.332.086
Cộng	1.770.498.293	1.383.611.624

18. Phải trả ngắn hạn khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.547.697.162</i>	<i>3.628.649.599</i>
Kinh phí công đoàn	104.530.375	91.649.536
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	36.531	-
Phải trả về cổ phần hóa	-	3.252.211.486
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	95.000	-
Chi phí khắc phục bão	935.165.047	-
Nợ khó đòi thu hồi được phải nộp về ngân sách tỉnh	5.327.700	5.144.900
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	502.542.509	279.643.677
Cộng	1.547.697.162	3.628.649.599

18b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả tổ chức khác</i>	<i>13.330.394.344</i>	<i>13.330.394.344</i>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	13.330.394.344	13.330.394.344
Cộng	13.330.394.344	13.330.394.344

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13.330.394.344	4.958.862.431
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	13.330.394.344	26.660.788.688
Số tiền vay đã trả	(13.330.394.344)	(18.289.256.775)
Số cuối năm	13.330.394.344	13.330.394.344

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn phải trả tổ chức khác</i>		
Vay dài hạn ngân hàng	117.946.930.806	131.277.325.150
<i>Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên</i>	<i>117.946.930.806</i>	<i>131.277.325.150</i>
Cộng	117.946.930.806	131.277.325.150

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên theo các Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty như sau:

Hiệp định vay vốn AFD ngày 02/4/2002 giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên với tổng mức vốn vay là 2.379.000 EUR nhằm mục đích đầu tư về “Dự án Cấp nước vệ sinh các thị xã, thị trấn lần thứ ba - ADB”, thời hạn cho vay 22 năm trong đó có 6 năm ân hạn gốc và lãi, lãi suất cho vay là 5,8%/năm, phí cho vay lại của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là 0,2%/năm, lãi phạt chậm trả là 8,8%/năm, lãi phát sinh trong thời gian ân hạn sẽ được gốc hóa. Nợ gốc được trả thành 26 kỳ bán niên, 6 tháng một lần vào các ngày 01/6 và 01/12 hàng năm. Kỳ trả nợ gốc, lãi đầu tiên của dự án là 31/10/2011. Phí cho vay lại bắt đầu trả từ khi có dư nợ vay.

Hiệp định vay vốn ADB ngày 26/7/2002 giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên với tổng mức vốn vay là 10.743.000 USD nhằm mục đích đầu tư về “Dự án thứ ba Cấp nước vệ sinh cho các thị xã, thị trấn ADB-TA No3323-VIE, tỉnh Phú Yên”, thời hạn cho vay 22 năm trong đó có 6 năm ân hạn gốc và lãi, lãi suất cho vay là 5,8%/năm, phí cho vay lại của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là 0,2%/năm, lãi phạt chậm trả là 8,8%/năm, lãi phát sinh trong thời gian ân hạn sẽ được gốc hóa. Nợ gốc được trả thành 32 kỳ bán niên, 6 tháng một lần vào các ngày 30/4 và 31/10 hàng năm. Kỳ trả nợ gốc, lãi đầu tiên của dự án là 31/10/2008. Phí cho vay lại bắt đầu trả từ khi có dư nợ vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	13.330.394.344	13.330.394.344
Trên 1 năm đến 5 năm	53.321.577.376	53.321.577.376
Trên 5 năm	64.625.353.430	77.955.747.774
Cộng	131.277.325.150	144.607.719.494

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn Ngân hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	131.277.325.150	157.938.113.838
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(13.330.394.344)	(26.660.788.688)
Số cuối năm	117.946.930.806	131.277.325.150

19c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	182.526.411	333.127.879	4.920.000	(180.289.000)	340.285.290
Quỹ phúc lợi	56.146.412	333.127.879	730.000	(30.030.000)	359.974.291
Cộng	238.672.823	666.255.758	5.650.000	(210.319.000)	700.259.581

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	236.000.000.000	363.052.823	-	236.363.052.823
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	7.261.056.463	7.261.056.463
Trích lập các quỹ	-	-	(726.105.646)	(726.105.646)
Số dư cuối năm trước	236.000.000.000	363.052.823	6.534.950.817	242.898.003.640
Số dư đầu năm nay	236.000.000.000	363.052.823	6.534.950.817	242.898.003.640
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	13.325.115.166	13.325.115.166
Trích lập các quỹ	-	1.332.511.517	(1.998.767.275)	(666.255.758)
Chia cổ tức năm từ lợi nhuận năm trước	-	-	(5.900.000.000)	(5.900.000.000)
Số dư cuối năm nay	236.000.000.000	1.695.564.340	11.961.298.708	249.656.863.048

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	147.406.000.000	147.406.000.000
Công ty Cổ phần Nước Aqua One	82.600.000.000	82.600.000.000
Các cổ đông khác	5.994.000.000	5.994.000.000
Cộng	236.000.000.000	236.000.000.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.600.000	23.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	23.600.000	23.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.600.000	23.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.600.000	23.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.600.000	23.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông năm 2017 ngày 04/10/2017 và tạm phân phối lợi nhuận theo Điều lệ hoạt động Công ty như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 1.332.511.517
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 666.255.758
• Chia cổ tức năm 2016	: 5.900.000.000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản nhận giữ hộ

Công ty nhận giữ hộ tài sản của Ủy Ban Nhân dân thành phố Tuy Hòa là hệ thống xử lý nước thải thành phố Tuy Hòa (bao gồm cả xe ô tô tải Mitsubishi và xe hút chất thải Hino) với nguyên giá tài sản là 147.621.646.938 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	365.569.133	756.040.375
Doanh thu cung cấp nước sạch	88.632.438.095	81.551.692.395
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.875.084.768	3.778.029.439
Doanh thu hợp đồng xây dựng ⁽ⁱ⁾	845.600.835	3.104.540.372
Cộng	92.718.692.831	89.190.302.581

⁽ⁱ⁾ Doanh thu hợp đồng xây dựng ghi nhận trong kỳ là của các công trình xây dựng đã hoàn thành.

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	312.122.806	591.070.029
Giá vốn cung cấp nước sạch	36.940.864.726	36.224.133.653
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.468.474.299	3.014.089.377
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	354.539.083	2.268.870.829
Cộng	40.076.000.914	42.098.163.888

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	3.077.814.932	2.851.972.011
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.069.929	31.688.266
Cộng	3.095.884.861	2.883.660.277

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay phát sinh trong năm.

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.302.848.637	5.705.985.609
Chi phí vật liệu, bao bì	4.026.197.759	4.612.782.081
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	18.590.715	58.003.298
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.631.711.865	13.104.631.209
Các chi phí khác	295.724.886	272.526.754
Cộng	21.275.073.862	23.753.928.951

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.214.919.584	6.115.524.063
Chi phí vật liệu quản lý	381.965.634	402.306.810
Chi phí đồ dùng văn phòng	375.730.561	512.905.574
Chi phí khấu hao tài sản cố định	528.643.415	635.689.682
Thuế, phí và lệ phí	11.839.408	41.242.837
Chi phí dịch vụ mua ngoài	660.971.095	546.211.856
Các chi phí khác	1.396.867.537	946.341.155
Cộng	9.570.937.234	9.200.221.977

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	6.157.285	-
Thu tiền thanh lý công cụ, dụng cụ, vật tư thu hồi	195.454.545	-
Thu tiền nhận tài trợ dự án	-	2.575.854.257
Thu nhập khác	226.952.949	253.346.878
Cộng	428.564.779	2.829.201.135

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bồi thường tai nạn lao động	61.676.000	-
Chi phí khác	37.261.055	1.534.810
Cộng	98.937.055	1.534.810

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.325.115.166	7.261.056.463
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(666.255.758)	(363.052.823)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	12.658.859.408	6.898.003.640
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	23.600.000	23.600.000
Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	536	292

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 293 VND xuống còn 292 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.859.756.997	19.574.538.863
Chi phí nhân công	26.380.193.826	24.439.091.783
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.713.937.302	22.991.988.609
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.052.893.020	3.635.601.112
Chi phí khác	4.131.998.878	3.689.827.378
Cộng	<u>71.138.780.023</u>	<u>74.331.047.745</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thành viên quản lý chủ chốt		
Công ty thanh toán cổ tức	11.425.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ tiền lương	1.601.878.999	1.242.818.564
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	182.400.000	254.225.000
Các khoản tiền thưởng, phúc lợi khác	2.289.000	133.245.642
Cộng	1.786.567.999	1.630.289.206

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	Cổ đông góp 62,46% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nước Aqua One	Cổ đông góp 35% vốn điều lệ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên		
Công ty thanh toán cổ tức	3.685.150.000	-
Công ty Cổ phần Nước Aqua One		
Công ty thanh toán cổ tức	2.065.000.000	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một lĩnh vực khai thác và cung cấp nước sạch, các hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng doanh thu không đáng kể và trong một khu vực địa lý là địa bàn tỉnh Phú Yên.

3. Số liệu so sánh

Các sai sót

Năm trước, Công ty đã điều chỉnh số liệu theo Kết luận Thanh tra số 1510/KL-STC, ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Sở Tài chính tỉnh Phú Yên.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.036.460.214	45.727.500	4.082.187.714
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.189.268.596	58.046.295	1.247.314.891
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	239.288.763	(615.940)	238.672.823
Quỹ đầu tư phát triển	418	363.668.763	(615.940)	363.052.823
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	6.546.037.732	(11.086.915)	6.534.950.817

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	89.146.752.581	43.550.000	89.190.302.581
Giá vốn hàng bán	11	42.041.731.913	56.431.975	42.098.163.888
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	47.105.020.668	(12.881.975)	47.092.138.693
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.904.938.035	(563.180)	1.904.374.855
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	293	1	292
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lợi nhuận trước thuế	01	9.178.313.293	(12.881.975)	9.165.431.318
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	6.751.459.122	(43.550.000)	6.707.909.122
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(89.605.073.583)	56.431.975	(89.548.641.608)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	1.602.588.471	-	-	1.602.588.471
Vay và nợ	13.330.394.344	53.321.577.376	64.625.353.430	131.277.325.150
Các khoản phải trả khác	3.213.628.549	-	-	3.213.628.549
Cộng	18.146.611.364	53.321.577.376	64.625.353.430	136.093.542.170
Số đầu năm				
Phải trả người bán	2.099.265.559	-	-	2.099.265.559
Vay và nợ	13.330.394.344	53.321.577.376	77.955.747.774	144.607.719.494
Các khoản phải trả khác	4.920.611.687	-	-	4.920.611.687
Cộng	20.350.271.590	53.321.577.376	77.955.747.774	151.627.596.740

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ có rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của giá hàng hóa, nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.063.331.099	-	49.115.441.926	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	34.000.000.000	-	5.700.000.000	-
Phải thu khách hàng	2.410.890.922	-	4.082.187.714	-
Các khoản phải thu khác	1.823.181.988	-	776.177.042	-
Cộng	71.297.404.009	-	59.673.806.682	-

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	1.602.588.471	2.099.265.559
Vay và nợ	131.277.325.150	144.607.719.494
Các khoản phải trả khác	3.213.628.549	4.920.611.687
Cộng	136.093.542.170	151.627.596.740

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Nguyễn Thị Xuân Tụ
Người lập biểu

Trần Văn Sơn
Kế toán trưởng

Lê Xuân Triết
Giám đốc

Nguyễn Chí Trí